

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết 05 năm thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Công văn số 4496/SYT-BTXH&TE ngày 28/10/2025 của Sở Y tế Thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025. UBND xã Trà Vân báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025:**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:**

Trên cơ sở Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030. UBND xã đã kịp thời ban hành các văn bản và chỉ đạo các phòng, ban liên quan triển khai thực hiện. Đồng thời, phối hợp với các Hội, đoàn thể hỗ trợ, tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia vào các hoạt động của xã hội.

##### **2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu (giai đoạn 2021-2025):**

Việc thực hiện các mục tiêu cụ thể về trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 05 năm (2021-2025) theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

- Hàng năm 100% người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế; khoảng 75% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật.

- 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục.

- 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đúng quy định.

- 100% người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 100% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

- 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động chính của đề án:**

#### ***a) Trợ giúp y tế:***

- Về công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người khuyết tật tại trạm y tế luôn được chú trọng quan tâm; 100% người khuyết tật đều được tiếp cận với các dịch vụ y tế.

- Triển khai các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa, giảm thiểu khuyết tật; hướng dẫn người khuyết tật phương pháp phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

- Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người khuyết tật;

- Khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với phạm vi chuyên môn cho người khuyết tật.

- Hướng dẫn phương pháp phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

#### ***b) Trợ giúp giáo dục:***

- Phối hợp với các trường học trên địa bàn tổ chức các hình thức giáo dục hòa nhập cộng đồng phù hợp cho người khuyết tật.

- Ưu tiên trong tuyển sinh đối với học sinh khuyết tật.

- Miễn giảm học phí và các khoản đóng góp đối với học sinh khuyết tật.

#### ***c) Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế:***

- Ưu tiên cho người khuyết tật khởi nghiệp được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi chính sách xã hội để tạo việc làm.

- Hỗ trợ, giới thiệu người khuyết tật đi làm việc tại các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ người khuyết tật tham gia đào tạo nghề phù hợp.

#### ***d) Trợ giúp pháp lý:***

Chỉ đạo các ban, ngành liên quan trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính có nhu cầu trợ giúp pháp lý.

#### ***đ) Trợ giúp phụ nữ khuyết tật:***

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các ban, ngành và cộng đồng về thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế.

- Hỗ trợ phụ nữ khuyết tật dưới các hình thức: đào tạo nghề, kết nối việc làm, vay vốn,...

#### ***e) Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng:***

Hỗ trợ người khuyết tật về xe lăn, xe lắc, khung tập đi, máy trợ thính và các thiết bị cần thiết để giúp người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

#### **4. Nhận xét, đánh giá chung:**

- Về tính hiệu quả của Chương trình:

Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 được triển khai có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Các hoạt động trợ giúp đã góp phần cải thiện phần nào về đời sống vật chất và tinh thần cho người khuyết tật; bảo đảm quyền được chăm sóc, học tập, lao động và hòa nhập cộng đồng.

- Tồn tại, khó khăn: Nguồn kinh phí để thực hiện chương trình còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể chưa thường xuyên.

- Bài học kinh nghiệm:

+ Cần phát huy vai trò phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong việc tuyên truyền, rà soát và hỗ trợ người khuyết tật;

+ Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng các hoạt động hỗ trợ, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước;

+ Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền của người khuyết tật, góp phần thúc đẩy hòa nhập xã hội bền vững.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030:**

### **1. Thực trạng tình hình người khuyết tật**

NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi: 02 người

NKT đặc biệt nặng là NCT: 0 người

NKT nặng từ 16-60 tuổi: 37 người

NKT nặng là NCT: 16 người

NKT đặc biệt nặng là trẻ em: 05 trẻ

NKT nặng là trẻ em: 7 trẻ

### **2. Những vấn đề đặt ra trong vấn đề đảm bảo quyền, hỗ trợ người khuyết tật hiện nay:**

- Về nguồn lực:

Kinh phí hỗ trợ cho người khuyết tật còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước.

- Thái độ, nhận thức hành vi:

+ Một số bộ phận người dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về quyền bình đẳng đối với người khuyết tật;

+ Người khuyết tật còn mặc cảm, e ngại tham gia các hoạt động cộng đồng dẫn đến hạn chế trong hòa nhập cộng đồng.

**3. Đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030:**

- Đề nghị cấp trên tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp Người khuyết tật giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn toàn xã.

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ cơ sở về công tác quản lý và hỗ trợ người khuyết tật.

- Khuyến khích xã hội hóa, huy động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ sinh kế, phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng.

Nay, UBND xã Trà Vân kính báo cáo Sở Y tế biết theo dõi, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Y tế;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Nhị**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ TRÀ  
VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU  
SƠ KẾT 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP  
NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2025-2030**

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>THỰC TRẠNG</b>			
<b>1</b>	<b>Người khuyết tật</b>			
1.1	Tổng số người khuyết tật (NKT) dự kiến	người	67	
	<i>Trong đó:</i>			
1.2	Số đã được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật	người	67	
a)	<i>Trong đó chia theo mức độ khuyết tật</i>			
	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	người	2	
	NKT đặc biệt nặng là NCT	người	0	
	NKT nặng từ 16-60 tuổi	người	37	
	NKT nặng là NCT	người	16	
	NKT nặng/đặc biệt nặng đang mang thai hoặc nuôi con một dưới 36 tháng tuổi	người	0	
	NKT nặng/đặc biệt nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc nuôi 2 con dưới 36 tháng tuổi	người	0	
	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	người	5	
	NKT nặng là trẻ em	người	7	
1.3	Số chưa được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật nhưng đang hưởng các chế độ hỗ trợ khác (thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam...)	người	0	
1.4	Số NKT được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Người khuyết tật	người	67	
	<i>Trong đó</i>			
a)	Số đang được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội	người	0	
b)	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	người	67	
c)	Số người được cấp thẻ Bảo hiểm y tế	người	67	
<b>2</b>	<b>Đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT</b>			
2.1	Số công chức (cấp xã)	người	01	
2.2	Số viên chức, người lao động trực tiếp tại cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc cộng tác viên ở cộng đồng	người	0	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>3</b>	<b>Tổ chức đại diện của NKT, chương trình, dự án hỗ trợ</b>			
3.1	Số lượng tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn (trung tâm, câu lạc bộ, hội...)	tổ chức	0	
3.2	Số lượng chương trình, dự án hỗ trợ người khuyết tật đang thực hiện trên địa bàn (bao gồm các CT, DA của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước).	CT, dự án	0	
<b>II</b>	<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2021-2025</b>			
<b>1</b>	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành</b>			
	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về trợ giúp NKT trong phạm vi quản lý (công văn chỉ đạo, chương trình, kế hoạch....)	văn bản	0	
<b>2</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật</b>			
2.1	Số buổi truyền thông	buổi	10	
2.2	Số người tham gia các buổi truyền thông	lượt người	120	
2.3	Số lượng tài liệu tuyên truyền (panô, áp phích, sổ tay, tờ rơi...) được in ấn, phát hành	tài liệu	5	Pano
<b>3</b>	<b>Bố trí kinh phí cho Chương trình</b>			
3.1	Tổng số kinh phí chi cho công tác trợ giúp NKT	triệu đồng	0	
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Từ ngân sách TW	triệu đồng	0	
b)	Từ ngân sách địa phương	triệu đồng	0	
c)	Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	triệu đồng	0	
<b>4</b>	<b>Tập huấn nâng cao năng lực Đội ngũ cán bộ</b>			
4.1	Số lớp tập huấn	Lớp	0	
4.2	Số cán bộ được tham gia các khoá tập huấn	người	0	
<b>5</b>	<b>Kết quả thực hiện các hoạt động theo mục tiêu của Chương trình</b>			
5.1	Trợ giúp y tế			
a)	Tỷ trọng người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%	100	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
b)	Tỷ trọng trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật (trong tổng số trẻ khuyết tật)	%	0	
c)	Số trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp	người	00	
<b>5.2</b>	<b>Trợ giúp giáo dục, dạy nghề, việc làm</b>		6	
a)	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt/trung tâm hỗ trợ giáo dục	cơ sở		
b)	Số trẻ khuyết tật đang học hoà nhập	trẻ em	0	
c)	Số trẻ khuyết tật đang học tại các cơ sở chuyên biệt	trẻ em	0	
d)	Tỷ trọng trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục (trong tổng số trẻ khuyết tật).	%	50	
e)	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị phù hợp	cơ sở	0	
f)	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	người	0	
g)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật	cơ sở	0	
h)	Số người được giới thiệu việc làm	người	0	
i)	Số người được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm	người	0	
k)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật được vay vốn từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm	cơ sở	0	
l)	Số người được hỗ trợ sinh kế	người	0	
<b>5.3</b>	<b>Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng và giao thông</b>			
a)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng ( <i>trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư</i> ) xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình xây mới)	%	0	
b)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng cũ đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình hiện có)	%	0	
c)	Tỷ trọng người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông	%	0	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)			
d)	Tỷ trọng người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu).	%	100	
e)	Số lượt người được miễn giảm giá vé khi tham gia giao thông	lượt người		
	- Đường bộ	lượt người		
	- Hàng không	lượt người		
	- Đường sắt	lượt người		
<b>5.4</b>	<b>Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai</b>			
a)	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có đại diện người khuyết tật là thành viên	Xã/phường	0	
b)	Số người khuyết tật được tham gia các mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật	người	0	
c)	Số người khuyết tật được nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai thông qua các ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng.	người	55	
<b>5.5</b>	<b>Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông</b>			
a)	Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông so với tỷ lệ chung cả nước.	%		
b)	Tỷ trọng các tỉnh/thành phố có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật có thể tiếp cận (trong tổng số 34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc)	%		
c)	Tỷ trọng người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%		
d)	Tỷ trọng thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng (trong tổng số thư viện công cộng cấp tỉnh).	%		
<b>5.6</b>	<b>Trợ giúp pháp lý</b>			
a)	Số cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật	người	0	
b)	Tỷ trọng người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu (trong tổng số người khuyết tật có khó khăn	%	100	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	về tài chính)			
c)	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	lượt người		Người khuyết tật không có nhu cầu
<b>5.7</b>	<b>Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ khuyết tật</b>			
a)	Tỷ trọng gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật (trong tổng số gia đình có người khuyết tật)	%	0	
b)	Tỷ trọng người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống (trong tổng số người khuyết tật)	%	0	
c)	Tỷ trọng phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%	0	
d)	Tỷ trọng các xã có tổ chức của người khuyết tật	%	0	
e)	Số địa phương có tổ chức (Hội) của người khuyết tật	xã	0	
f)	Số người khuyết tật tham gia tổ chức (Hội) của người khuyết tật	người	0	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vi Thị Hoàng**

**Nguyễn Văn Nhị**

